

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Theo tiêu chuẩn Hazcom liên bang USA 2012 và Canada HPR-WHMIS 2015

PHẦN 1. NHẬN BIẾT**1.1. Nhận biết sản phẩm:**

Mã sản phẩm	HI70436
Tên sản phẩm	Nước khử ion
Loại hóa chất	NƯỚC
Mã CAS	7732-18-5

1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định:

Mục đích sử dụng	Dùng để phân tích mẫu nước.
------------------	-----------------------------

1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

Tên công ty	Hanna Instruments S.R.L.		
Địa chỉ	Str. Hanna Nr. 1		
Quận và Thành phố	457260 Ioc. Nusfalau	(Salaj)	Rumani
	Điện thoại	(+40) 260607700	
	Fax	(+40) 260607700	

Địa chỉ e-mail của người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất
sds@hannainst.com

Phân phối sản phẩm:	Hanna Instruments, Inc - 584 Park East, Woonsochet, Rhode Island, Hoa Kỳ 02895
	Thông tin liên hệ dịch vụ kỹ thuật: +1-800-426-6287

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Cho các câu hỏi khẩn cấp.	Thông tin liên hệ khẩn cấp tại USA: +1-800-424-9300 - CHEMTREC 24giờ/365 ngày
	Thông tin liên hệ khẩn cấp quốc tế: +1-703-527-3887 - CHEMTREC 24 giờ/365 ngày

PHẦN 2. NHẬN BIẾT CÁC MỐI NGUY HẠI**2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Sản phẩm này không được phân loại thành chất nguy hại căn cứ theo các quy định được đưa ra theo tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200).

Phân loại và Dẫn giải nguy hại	--
--------------------------------	----

Tự hiệu:	--
----------	----

Dẫn giải nguy hại:	--
--------------------	----

Dẫn giải biện pháp phòng ngừa:	--
--------------------------------	----

Phòng ngừa:	--
-------------	----

Bảo quản	--
----------	----

Tiêu hủy	--
----------	----

2.3. Các nguy hại khác:

Không có

PHẦN 3. THÀNH PHẦN HÓA HỌC/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN**3.1. Đơn chất:**

Sản phẩm này không được phân loại thành chất nguy hại căn cứ theo các quy định được đưa ra theo tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200).

PHẦN 4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Không có thông tin cụ thể. Tuân thủ vệ sinh thiết bị công nghiệp được khuyến nghị.

4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, ngay lập tức và trì hoãn:

Không có các thông tin cụ thể về triệu chứng và tác động do sản phẩm gây ra.

4.3. Dấu hiệu cần nhận chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt:

Không có thông tin.

PHẦN 5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

5.1. Phương tiện chữa cháy

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY THÍCH HỢP

Phương tiện chữa cháy phải là loại thông dụng: các-bon đi-ô-xit, bột, bột và tia nước.

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG THÍCH HỢP

Không.

5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp:

CÁC NGUY HẠI DO TIẾP XÚC TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ CHÁY

Không hít phải các sản phẩm cháy.

5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa:

THÔNG TIN CHUNG

Sử dụng vòi phun nước để làm mát thùng chứa, tránh hiện tượng phân hủy sản phẩm và phát triển các chất có thể gây nguy hại đến sức khỏe. Luôn đeo bộ thiết bị phòng chống hỏa hoạn đầy đủ. Thu gom nước chữa cháy để tránh chảy vào hệ thống cống rãnh. Xử lý nước chữa cháy đã sử dụng và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành.

THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA

Quần áo phòng cháy chữa cháy thông thường gồm bộ dụng cụ chống cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (Thông số kỹ thuật A29 và A30 của HO) kết hợp với thiết bị thở độc lập, mạch hở, áp suất dương, khí nén (BS EN 137).

PHẦN 6. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ BẤT NGỜ

6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Sử dụng thiết bị thở nếu bột hoặc bụi khói tràn vào không khí. Các dấu hiệu này áp dụng đối với nhân viên xử lý và các cá nhân liên quan trong các quy trình khẩn cấp.

6.2. Các biện pháp phòng ngừa môi trường:

Không được để sản phẩm thấm thấu đi vào hệ thống cống rãnh hoặc tiếp xúc với nguồn nước bề mặt hay nước ngầm.

6.3. Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh

Thu gom sản phẩm chảy tràn cho vào thùng chứa thích hợp. Thấm hút sản phẩm dư bằng vật liệu thấm hút trơ. Vật liệu nhiễm bẩn phải được tiêu hủy theo các điều khoản đưa ra tại phần 13.

6.4. Tài liệu tham khảo cho các phần khác

Tất cả các thông tin về việc bảo hộ cá nhân và tiêu hủy đều được đưa ra trong phần 8 và 13.

PHẦN 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn:

Trước khi xử lý sản phẩm, đọc toàn bộ các phần khác trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này. Tránh sản phẩm rò rỉ vào môi trường. Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi sử dụng.

7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm các vật liệu không tương thích:

Chỉ bảo quản trong thùng chứa ban đầu có nhãn hàng và hạn sử dụng rõ ràng và đậy nắp kín, đặt ở nơi thoáng khí, tránh xa ánh sáng mặt trời trực tiếp. Giữ thùng chứa tránh xa các vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết thêm thông tin chi tiết.

7.3. Cách sử dụng cuối cụ thể

Không có thông tin

PHẦN 8. HẠN CHẾ TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Các thông số kiểm soát**

Không có thông tin cụ thể.

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm:

Tuân thủ các biện pháp an toàn thường được áp dụng khi xử lý các chất hóa học.

BẢO VỆ TAY

Không yêu cầu.

BẢO VỆ DA

Không yêu cầu.

BẢO VỆ MẮT

Không yêu cầu.

BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP

Không yêu cầu.

KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Những khí phát thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất, bao gồm những khí được tạo ra từ thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường.

PHẦN 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA**9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản:**

Ngoại quan	Chất lỏng
Màu sắc	Không màu
Mùi	Không mùi
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
pH	7
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bắt đầu	Không có thông tin
Dải sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	100 ⁰ C (212)
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới	Không có thông tin
Giới hạn cháy trên	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi	Không có thông tin
Mật độ tương đối	1
Khả năng hòa tan	Tan trong nước
Hệ số khuếch tán: n-octanol/nước	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Đặc tính nổ	Không có thông tin
Đặc tính ô-xy hóa	Không có thông tin

9.2. Thông tin khác:

Khối lượng mol 18.000

PHẦN 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG**10.1. Khả năng phản ứng:**

Không có rủi ro phản ứng cụ thể với các chất khác trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.2. Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm ổn định trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

10.3. Khả năng có phản ứng nguy hại:

Không thấy có phản ứng nguy hại trong điều kiện sử dụng và lưu trữ bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có thông tin. Tuy nhiên, khuyến nghị luôn cẩn thận khi sử dụng hóa chất.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không có thông tin

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại

Không có thông tin

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tính

ĐỘC CẤP TÍNH

LC50 (Hít phải - hơi) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không phải thành phần đáng kể)
LC50 (Hít phải – sương/ bột) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không phải thành phần đáng kể)
LD50 (Miệng) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không phải thành phần đáng kể)
LD50 (Da) của hỗn hợp:	Không được phân loại (không phải thành phần đáng kể)

ẤN MÒN/KÍCH ỨNG DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

TỒN THƯƠNG MẮT NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

MÃN CẢM HỆ HÔ HẤP HOẶC DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘT BIẾN TẾ BÀO MÀM

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘC VỚI HỆ SINH SẢN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHỐI NHIỄM MỘT LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHỐI NHIỄM NHIỀU LẦN

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

PHẦN 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Sử dụng sản phẩm này theo các thực hành làm việc tốt. Tránh xả thải. Thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền nếu sản phẩm đi vào các nguồn nước hoặc xả vào đất hoặc nhiễm độc thực vật.

12.1 Độc tính

Không có thông tin.

12.2. Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có thông tin.

12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4. Khả năng di chuyển trong đất:

Không có thông tin

12.5. Các kết quả của đánh giá PBT và vPvB:

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ phần trăm PBT hoặc vPvB vượt quá 0.1%.

12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác

Không có thông tin

PHẦN 13. CẢNH BÁO KHI TIÊU HỦY

13.1. Phương pháp tiêu hủy rác thải

Sử dụng lại khi có thể. Phần cặn bã của sản phẩm phải được xem là rác thải nguy hại đặc biệt. Phải được tiêu hủy bởi một công ty quản lý rác thải được ủy quyền phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

BAO BÌ NHIỄM BẮN

Bao bì nhiễm bẩn phải được thu lại hoặc tiêu hủy theo các quy định quản lý rác thải quốc gia.

PHẦN 14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Sản phẩm này không nguy hiểm theo các điều khoản hiện có của Quy định của châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ (ADR) và Đường sắt (RID), thuộc các quy định của Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển (IMDG) và Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).

14.1 Số UN

Không áp dụng

14.2 Tên vận chuyển thích hợp theo UN

Không áp dụng

14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển

Không áp dụng

14.4. Nhóm bao bì

Không áp dụng

14.5. Các nguy hại đến môi trường

Không áp dụng

14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đối với người dùng

Không áp dụng

14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC

Không có thông tin liên quan.

PHẦN 15. THÔNG TIN QUẢN LÝ

15.1. Các quy định/luật pháp riêng biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với chất hoặc hỗn hợp:

Quy định của Liên bang Mỹ.

Đạo luật Không khí sạch Phần 112(b):
Không được liệt kê (các) thành phần.

Đạo luật Không khí sạch Phần 602 Nhóm I Hóa chất:
Không được liệt kê (các) thành phần.

Đạo luật Không khí sạch Phần 602 Nhóm II Hóa chất:
Không được liệt kê (các) thành phần.

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm ưu tiên:
Không được liệt kê (các) thành phần.

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm độc hại:
Không được liệt kê (các) thành phần.

Hóa chất DEA Loại I (Tiền chất):
Không được liệt kê (các) thành phần.

Hóa chất DEA Loại II (Hóa chất thiết yếu):
Không được liệt kê (các) thành phần.

Danh mục EPA:
Phần 313 Bộ danh mục:
Không được liệt kê (các) thành phần.

EPCRA 302 EHS TPQ:
Không được liệt kê (các) thành phần.

EPCRA 304 EHS RQ:
Không được liệt kê (các) thành phần.

CERCLA RQ:
7558-79-4 ĐINATRI HYĐROGEN PHÓT PHÁT

EPCRA 313 TRI:
Không được liệt kê (các) thành phần.

Bộ luật RCRA:
Không được liệt kê (các) thành phần.

CAA 112 (r) RMP TQ:
Không được liệt kê (các) thành phần.
Quy định của Tiểu bang, Massachusetts:
7558-79-4 ĐINATRI HYĐROGEN PHÓT PHÁT

Minnesota:
Không được liệt kê (các) thành phần.

New Jersey:
7558-79-4 ĐINATRI HYĐROGEN PHÓT PHÁT

New York:
7558-79-4 ĐINATRI HYĐROGEN PHÓT PHÁT

Pennsylvania:
7558-79-4 ĐINATRI HYĐROGEN PHÓT PHÁT

California:
7558-79-4 ĐINATRI HYĐROGEN PHÓT PHÁT

Đề luật California 65:
Sản phẩm này không chứa hóa chất được biết tại Tiểu bang California gây ra ung thư, có hại đối với sinh sản hoặc
khiếm khuyết sinh.

Các Quy định quốc tế.
Hóa chất theo báo cáo xuất khẩu căn cứ Quy định (EC) 649/2012:
Không có.

Hóa chất theo Công ước Rotterdam:
Không có.

Hóa chất theo Công ước Stockholm:
Không có.

WHMIS của Canada.
Không có thông tin.

15.2. Đánh giá An toàn Hóa chất

Không thực hiện bất kỳ bản đánh giá an toàn hóa chất nào đối với hỗn hợp và thành phần của sản phẩm.

PHẦN 16. THÔNG TIN KHÁC

CHÚ THÍCH:

- PHẦN 313 BỘ DANH MỤC: Đạo luật Quyền được biết về Cộng đồng & Kế hoạch Khẩn cấp Phần 313 Bộ danh mục
- ADR: Hiệp định Châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112 @ RMP TQ: Số lượng ngưỡng của Kế hoạch quản lý rủi ro (Đạo luật Không khí sạch Phần 112@)
- SỐ CAS: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ tác động (cần thiết để gây tác động 50%)
- CERCLA RQ: Số lượng có thể báo cáo (Đạo luật về Trách nhiệm pháp lý, Bồi thường và Phản ứng toàn diện về môi trường)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Lực lượng chống ma túy
- EmS: Lịch trình khẩn cấp
- EPA: Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ
- EPCRA: Đạo luật Quyền được biết về Cộng đồng & Kế hoạch Khẩn cấp
- EPCRA 302 EHS TPQ: Số lượng kế hoạch ngưỡng Hóa chất cực kỳ nguy hiểm (Phần 313 Bộ danh mục)
- EPCRA 304 EHS RQ: Số lượng có thể báo cáo Hóa chất cực kỳ nguy hiểm (Phần 313 Bộ danh mục)
- EPCRA 313 TRI: Danh mục thống kê phát thải độc hại (Phần 313 Bộ danh mục)
- GHS: Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất
- IATA DGR: Quy định hàng hóa nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
- IC50: Nồng độ cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Hàng hải quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm
- IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế
- LC50: Nồng độ gây chết người, 50%
- LD50: Liều dùng gây chết người, 50%
- OEL: Mức phơi nhiễm nghề nghiệp
- PEL: Mức phơi nhiễm được dự đoán
- Bộ luật RCRA: Bộ luật Thu hồi và Bảo tồn tài nguyên
- REL: Giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị
- RID: Quy định về Vận tải Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt Quốc tế
- TLV: Giá trị giới hạn ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ không được vượt quá trong thời gian phơi nhiễm nghề nghiệp.
- TSCA: Đạo luật Kiểm soát hóa chất độc hại
- TWA STEL: Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn
- TWA: Giá trị giới hạn ngưỡng cho thời gian trung bình 8 giờ một ngày
- VOC: Hợp chất hữu cơ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống thông tin Hóa chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

MỤC LỤC CHUNG

1. GHS sửa đổi lần 3
2. Chỉ mục Merck. Ấn bản lần thứ 10
3. Xử lý an toàn hóa chất
4. Niosh - Cơ quan đăng ký Ảnh hưởng độc hại của Hóa chất
5. INRS - Fiche Toxicologique (phiếu độc tính)
6. Patty - Vệ sinh và Độc tính công nghiệp
7. N.I. Sax - Tính chất nguy hiểm của Hóa chất công nghiệp -7, Ấn bản 1989
8. Trang web của ECHA
9. Dữ liệu SDS cho hóa chất – Bộ y tế và ISS – Ý
10. 6 NYCRR phần 597

11. Trang web Cal/OSHA
12. Đạo Luật Thực thi Nước uống và Độc tố an toàn California
13. Trang web của EPA
14. Tiêu chuẩn Khuyến cáo thông tin an toàn hóa chất (HCS 2012)
15. Trang web của IARC
16. Danh mục EPA: Danh mục hóa chất hợp nhất căn cứ theo EPCRA, CERCLA và Phần 112® của Đạo luật Không khí sạch
17. Massachusetts 105 CMR Bộ Y tế 670.000: "Quyền được biết"
18. Minnesota Chương 5206 Bộ Lao động và Công nghiệp Hóa chất nguy hiểm, "Quyền được biết" của Người lao động.
19. Đạo luật Quyền được biết về Cộng đồng và Người lao động New Jersey N.J.S.A.
20. NTP. 2011. Báo cáo về Chất gây ung thư, Ấn bản lần thứ 12.
21. Trang web của OSHA
22. Pennsylvania, Danh mục hóa chất nguy hiểm, Chương 323

Lưu ý cho người dùng:

Thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất được dựa trên kiến thức của chúng tôi vào phiên bản mới nhất. Người dùng phải làm rõ tính phù hợp và đầy đủ của thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm cụ thể.

Tài liệu này được xem là một sự bảo đảm về bất kỳ đặc tính cụ thể nào của sản phẩm.

Cách sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ các quy định và điều luật hiện hành về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các cách sử dụng không thích hợp.

Nhân sự bổ nhiệm được đào tạo về cách thức sử dụng các sản phẩm hóa học.